TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 188/2017/DS-PT
Ngày: 16 - 11 - 2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2017 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2017/DSST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953 (có mặt).
2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1953 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp KH, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*:

1. Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp XR, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Hồ Thúy H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BH, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau .

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Kim Chan Đa R là người đại diện theo ủy quyền của Chị Hồ Thúy H (Văn bản ủy quyền được Công chứng viên chứng thực ngày 12/6/2017) (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Chị Hồ Thúy H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2017, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn C và Bà Võ Thị L trình bày: Trước đây bà Nguyễn Út Thanh và ông Nguyễn Hoàng Ngân – trú tại ấp XR, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (bà Thanh là vợ của ông Ngân và là em ruột ông C) được

cha mẹ cho phần đất diện tích 12.654m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp vào năm 2001. Do vợ chồng bà Thanh chuyển đi nơi khác sinh sống nên vào ngày 20/02/2007 đã làm giấy sang nhượng phần đất trên cho Nguyễn Thanh Đ (con của ông C, bà L) với giá là 23 lượng vàng 24k. Do lúc này, anh Đ không có vàng để sang đất, ông C, bà L và anh em trong gia đình không muốn bán phần đất cho người ngoài mà muốn giữ lại nên ông C đã đứng ra nhận trả 23 lượng vàng 24k cho bà Thanh, ông Ngân và thỏa thuận khi anh Đ làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ giao lại cho ông C, khi anh Đ trả đủ số vàng trên thì ông C sẽ trả Giấy chứng nhận lại cho anh Đ. Phần đất chuyển nhượng do anh Đ thực hiện ký các giao dịch với bà Thanh và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp Giấy chứng nhận số AG 857977 ngày 26/02/2007, sau đó anh Đ cùng với chị H sử dụng phần đất này.

Trong quá trình sử dụng đất khi có thu nhập, anh Đ và chị H đã trả nhiều lần cho ông, bà đến cuối năm 2012 được 13 lượng vàng 24k (các lần trả không có làm giấy) và còn thiếu lại 10 lượng vàng 24k.

Nay ông C và bà L yêu cầu anh Đ và chị H phải trả lại 10 lượng vàng 24k. Trong đó, anh Đ phải trả 06 lượng vàng 24k và chị H phải trả 04 lượng vàng 24k theo tỷ lệ tương ứng với việc phân chia tài sản đối với diện tích đất trên giữa anh Đ và chị H.

Theo các văn bản giải trình, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn là Anh Nguyễn Thanh Đ trình bày: Anh thừa nhận việc chuyển nhượng phần đất của bà Nguyễn Út Thanh và ông Nguyễn Hoàng Ngân vào tháng 02/2007, diện tích đất, giá chuyển nhượng như ông C, bà L đã trình bày; thủ tục chuyển nhượng do anh đứng ra giao dịch với bà Thanh, ông Ngân. Do thời điểm này anh không có vàng nên ông C, bà L đứng ra lãnh trả và đã trả xong 23 lượng vàng 24k cho bà Thanh, ông Ngân.

Sau khi chuyển nhượng, anh đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐD cấp Giấy chứng nhận vào ngày 26/02/2007 đối với diện tích chuyển nhượng; anh cùng với chị H đã sử dụng phần đất này cho đến khi anh, chị được Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Khi sử dụng đất tạo được thu nhập, anh và chị H đã trả nhiều lần cho ông C, bà L đến cuối năm 2012 được 13 lượng vàng 24k (khi trả không có làm giấy tờ) và còn thiếu lại 10 lượng vàng 24k.

Khi Tòa án đã giải quyết việc ly hôn của anh và chị H đã phân chia tài sản chung của anh, chị trong đó có phần đất chuyển nhượng từ bà Thanh, Tòa án giao cho anh được sử dụng phần đất nhưng anh phải trả giá trị cho chị H theo tỷ lệ bằng 2/5 diện tích đất.

Nay anh đồng ý theo yêu cầu của ông C, bà L; Do phần đất chuyển nhượng đã được phân chia nên anh yêu cầu chị H cùng có nghĩa vụ trả số vàng trên cho cho ông C, bà L. Trong đó anh có trách nhiệm trả 06 lượng vàng 24k và chị H trả 04 lượng vàng 24k.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Chị Hồ Thúy H trình bày: Vào tháng 02/2007, chị và anh Đ có sang phần đất của bà Nguyễn Út Thanh khoảng 15 công tầm lớn (nhưng trong Giấy chứng nhận có diện tích là

12.654m^2) với giá 23 lượng vàng 24k. Thủ tục giao dịch chuyển nhượng do anh Đ trực tiếp thực hiện, trả vàng cho bà Thanh; chị không không biết anh Đ trả vào thời gian nào (theo chị được biết anh Đ trả vàng cho bà Thanh 03 lần tại Thành phố Cần Thơ).

Về nguồn tiền để sang đất của bà Thanh là do trước đây khi chị về chung sống với anh Đ vào năm 1999 thì ông C, bà L (là cha, mẹ chồng) có tuyên bố cho 15 công đất tầm lớn và 01 ngôi nhà gắn liền với đất để chị và anh Đ sinh sống. Quá trình sử dụng có thu nhập bình quân khoảng 20.000.000 đồng – 30.000.000 đồng/tháng; anh Đ quản lý số tiền trên và đã dùng để gửi tiết kiệm tại Ngân hàng (không biết số tiền và thời gian gửi vì anh Đ đứng tên trong sổ). Khi sử dụng đất sang nhượng cùng với tiền tích lũy trước đó chị và anh Đ đã sang nhượng phần đất của bà Thanh và đã trả xong 23 lượng vàng 24k. Nay chị xác định không mượn vàng để sang đất và cũng không có nhờ ông C và bà L đứng ra lãnh trả số vàng trên của bà Thanh.

Trước đây, khi Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị với anh Đ thì chị không xác định được anh Đ, ông C và bà L có đặt ra khoản nợ này hay không. Do vậy, chị không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của ông C, bà L và anh Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn C và Bà Võ Thị L. Buộc Anh Nguyễn Thanh Đ và Chị Hồ Thúy H trả cho ông C và bà L 10 (mười) lượng vàng 24k. Trong đó anh Đ phải trả 06 (sáu) lượng vàng 24k và chị H phải trả 04 (bốn) lượng vàng 24k.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, bà Hồ Thúy Hằng kháng cáo cho rằng đã thanh toán nợ cho ông C, bà L xong nên đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của ông C, bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của chị H xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Chị Hồ Thúy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại giai đoạn sơ thẩm chị H trình bày cho rằng không vay, mượn vàng của ông C và bà L. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo của chị H và tại phiên Tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của chị H đã thừa nhận có việc vay, mượn vàng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng như ông C, bà L và anh Đ trình bày nhưng cho rằng chỉ vay 10 lượng vàng 24k, số vàng còn lại là 13 lượng vàng 24k là do anh Đ, chị H đã tích lũy trong thời gian sống chung cha, mẹ chồng. Người đại diện theo ủy quyền của chị H cũng xác định là đã thanh toán xong toàn bộ số vàng

10 lượng vàng 24k cho ông C, bà L nên kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Qua xem xét thấy rằng chứng cứ để chị H chứng minh đã thanh toán xong cho ông C và bà L là chỉ căn cứ vào lời khai người làm chứng như ông Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Quốc Lợi là những người cùng xóm và bà Nguyễn Út Thanh là người đã chuyển nhượng đất. Do đó, phía chị H đề nghị triệu tập những người này đến Tòa để làm chứng. Tuy nhiên, những người này đã có bản tường trình gửi Tòa án, trong đó, ông Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Quốc Lợi cho rằng các ông nghe gia đình ông C cãi nhau nên biết được anh Đ, chị H đã thanh toán vàng xong. Đối với bà Thanh thì xác định khi chuyển nhượng đất có nghe anh Đ, chị H nói mượn của ông C, bà L 10 lượng vàng 24k, đến năm 2013 khi anh Đ cho bà vay tiền thì anh Đ có nói đã thanh toán vàng cho cha, mẹ xong. Tại phiên tòa ông C cho rằng nguyên nhân có những lời làm chứng trên là do bà Thanh, anh Bình có mâu thuẫn với ông nên đã trình bày như trên làm bất lợi cho ông, còn ông Lợi và chị H thân nhau nên anh Lợi đã giúp chị H làm chứng. Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đối với yêu cầu triệu tập người làm chứng của đại diện chị H là không cần thiết. Bởi lẽ bản thân những người này cũng chỉ nghe nói lại còn trực tiếp nhìn thấy việc giao dịch mượn vàng và trả vàng thì hoàn toàn không nhìn thấy và không xác định rõ nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của người đại diện của chị H đề nghị Tòa án xác minh Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đầm Dơi việc anh Đ đã gửi tiền từ năm 2013 đến 2015 để chứng minh anh Đ, chị H có tiền dư dả nên đã thanh toán nợ xong. Qua xem xét thấy rằng, khi Tòa án giải quyết ly hôn chị H không đặt ra vấn đề có gửi tiền tại Ngân hàng, đến khi ông C khởi kiện tại giai đoạn sơ thẩm chị H cho rằng có gửi tiền Ngân hàng nhưng không biết Ngân hàng nào, đến khi kháng cáo thì yêu cầu Tòa án thu thập gửi tiền tại Ngân hàng Agribank - chi nhánh huyện Đầm Dơi từ 2013-2015, tại phiên tòa hôm nay chị H lại xác định có gửi tiền Ngân hàng từ 2011- 2014. Điều đó đã chứng minh cho đến nay chị H cũng không xác định được có gửi tiền hay không và cũng không chứng minh được việc gửi tiền. Mặt khác, nếu có việc gửi tiền tại Ngân hàng thì đây cũng không phải là chứng cứ để chứng minh đã thanh toán nợ xong. Do đó, Tòa không chấp nhận yêu cầu này của đại diện bị đơn.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Văn C, Bà Võ Thị L, buộc Anh Nguyễn Thanh Đ và Chị Hồ Thúy H trả cho ông C và bà L 10 (mười) lượng vàng 24k. Trong đó anh Đ phải trả 06 (sáu) lượng vàng 24k và chị H phải trả 04 (bốn) lượng vàng 24k là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên lãi suất chậm thi hành án: "*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền án phí, hàng tháng anh Đ và chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*" là không phù hợp do Ngân hàng Nhà nước không quy định về mức lãi suất đối với vàng. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại, không tuyên lãi suất chậm thi hành án.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên Chị Hồ Thúy H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Chị Hồ Thúy H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn C và Bà Võ Thị L. Buộc Anh Nguyễn Thanh Đ và Chị Hồ Thúy H trả cho ông C và bà L 10 (mười) lượng vàng 24k. Trong đó anh Đ phải trả 06 (sáu) lượng vàng 24k và chị H phải trả 04 (bốn) lượng vàng 24k.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh Đ phải chịu 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và Chị Hồ Thúy H phải chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Ông Nguyễn Văn C và Bà Võ Thị L không phải chịu án phí. Ông C và bà L được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng 6.187.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008982 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Về án phí phúc thẩm: Chị Hồ Thúy H phải chịu 300.000 đồng, ngày 29/8/2017 chị H có dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0009071 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thihành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục THADS huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trịnh Xuân Trúc